

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, Tp.HCM

Tel: (028) 3830 8899 Fax: (028) 3830 1802

Website: www.ftic.vn

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP-THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300743380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM
cấp lần đầu ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/02/2017)*



Bản Thông tin tóm tắt này sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, TP.HCM

Tel: (028) 3830 8899 Fax: (08) 3030 1802 Website: www.ftic.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Vũ Cường Quyết – Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, Tp HCM

Tel: 028 3830 8899 Fax: 028 3830 1802



MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM	3
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	7
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:.....	8
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đại chúng, những Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	9
5. Hoạt động kinh doanh	10
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017.....	15
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	17
8. Chính sách đối với người lao động	19
9. Chính sách cổ tức	20
10. Tình hình tài chính.....	20
11. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	26
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	26
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng.....	28
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	28
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	29
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	30
1. Hội đồng quản trị.....	30
2. Ban kiểm soát	34
3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	37
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	38
IV. PHỤ LỤC.....	38



I. CÁC KHÁI NIỆM

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ NGỮ

DIỄN GIẢI

Công ty, FRIENDCO,
Công ty đại chúng,
tổ chức ĐKGD

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị

UBCKNN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

SGDCK

Sở Giao dịch Chứng khoán

TTCK

Thị trường Chứng khoán

ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông

HĐQT

Hội đồng quản trị

BKS

Ban Kiểm soát

BTGD

Ban Tổng Giám đốc

CBCNV

Cán bộ công nhân viên

BCTC

Báo cáo tài chính

SXKD

Sản xuất kinh doanh

CTĐC

Công ty đại chúng

CTCP

Công ty cổ phần

Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)



II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

Tên tiếng Anh: **FRIENDSHIP TRADING – INDUSTRIAL JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **FRIENDCO**

Logo:



Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hồng Phong – Tổng Giám đốc

Trụ sở chính: 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, Tp.HCM

Số điện thoại: 028 3830 8899 - Số fax: 028 3830 1802

Website: www.ftic.vn

Ngày trở thành CTĐC: Ngày 07/08/2017 (theo Công văn số 5412/UBCK-GSĐC ngày 07/08/2017 của UBCKNN về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị)

Vốn điều lệ đăng ký: **39.437.100.000 đồng**

Vốn điều lệ thực góp: **39.437.100.000 đồng**

Giấy CN ĐKDN: Số 0300743380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 06/01/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/02/2017.

Ngành nghề SXKD Hợp tác xây dựng dự án thương mại, dịch vụ; Hợp tác với đối tác chính hiện nay: trong lĩnh vực trường học, nhà kho; Sản xuất, kinh doanh linh kiện và xe đạp hoàn chỉnh; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông



- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng)
- Mã chứng khoán: FTI
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 3.943.710 cổ phần
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 39.437.100.000 đồng (tính theo mệnh giá)
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức ĐKGD: 0 cổ phần.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
 Tại thời điểm 10/07/2017, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị tiền thân là Liên Hiệp Xí nghiệp Mô tô Xe đạp được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 26/03/1985 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh xe đạp và phụ tùng xe gắn máy.

<p>Tháng 09/1994</p>	<p>Liên hiệp xí nghiệp Mô tô Xe đạp chuyển thành Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2825/QĐ-UB-KT ngày 29/03/1994 của UBND Tp.HCM.</p>
<p>Tháng 06/2003 đến nay</p>	<p>Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 2078/QĐ-UB ngày 03/06/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt đề án cổ phần hóa Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Đến ngày 06/01/2005, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu nghị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 06/01/2005 với Vốn điều lệ là 16.500.000.000 đồng, trong đó, tỷ lệ vốn cổ phần nhà nước nắm giữ là 87,3% và tỷ lệ vốn cổ phần bán cho Cán bộ Công nhân viên trong Công ty là 12,7%.</p> <p>Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300743380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 06/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/02/2017 với Vốn điều lệ là 39.437.100.000 đồng.</p>

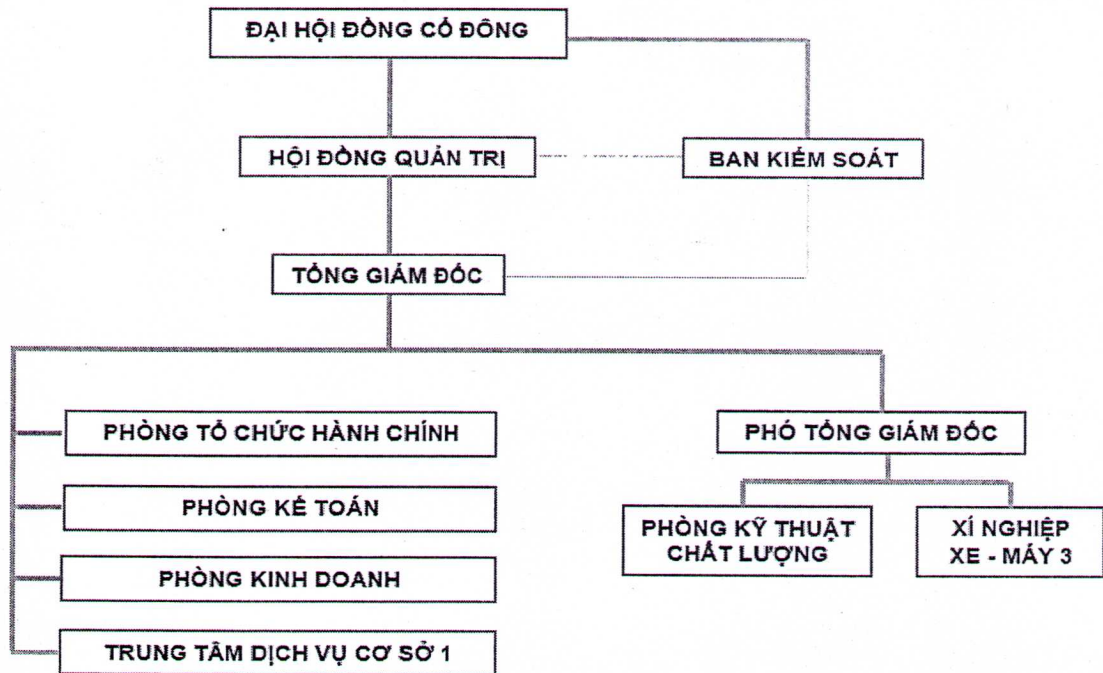


1.4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 06/01/2005), Công ty đã thực hiện tăng vốn 02 lần. Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành	VĐL tăng thêm (ngàn đồng)	VĐL sau phát hành (ngàn đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	03/2010	18.500.000	35.000.000	<p>Chào bán 185.000 cổ phiếu (Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phần) cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt, đối tác chiến lược. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1): 160.429 cổ phần với giá bán 120.000 đ/cp. - Chào bán thêm cho cổ đông nhà nước và cán bộ chủ chốt: 17.823 cổ phần với giá bán 150.000 đồng/cổ phần. - Chào bán cho đối tác chiến lược là cổ đông Nguyễn Thế Quảng (Giám đốc Công ty TNHH Long Thịnh): 6.748 cổ phần với giá bán 150.000 đồng/cp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/04/2008; - Giấy CNĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 06 ngày 08/04/2010.
2	11/2016	4.437.100	39.437.100	<p>Phát hành 44.371 cp (Mệnh giá: 100.000 đồng/cp) cho cổ đông hiện hữu từ nguồn VCSH (thặng dư vốn cổ phần) theo tỷ lệ 100:12,677 (cổ đông sở hữu 100 cp được nhận 12,677 cổ phiếu mới).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/NQ-ĐHĐCĐ 2016 ngày 01/07/2016; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2016; - Giấy CNĐKDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 09 ngày 19/11/2016.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với chi tiết như sau:

2.1. Đại hội đồng Cổ đông

Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

2.2. Hội đồng Quản trị

Theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

2.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Căn cứ Điều 44 Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát có nhiệm vụ thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định.

2.4. Ban Tổng Giám đốc

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty về quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của công ty cổ phần.

2.5. Các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc

Các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm: Phòng kinh doanh, Phòng kế toán, Phòng tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật Chất lượng, Xí nghiệp Xe – Máy 3 và Trung tâm dịch vụ cơ sở 1. Các đơn vị này chịu sự quản lý trực tiếp của các Trưởng phòng ban, Trưởng đơn vị và Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

3.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của FRIENDCO tại ngày 10/07/2017 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
1	Cổ đông trong nước	106	3.937.790	99,85%
	- Tổ chức	1	3.441.320	87,26%
	- Cá nhân	105	496.470	12,59%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	5.920	0,15%
@	Tổng cộng	106	3.943.710	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của FRIENDCO ngày 10/07/2017.

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10/07/2017 như sau:



Stt	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMT/ GCNĐKDN	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV	0300713668	58-60 Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, Tp.HCM	3.441.320	87,39%
@	Tổng cộng			3.441.320	87,39%

Nguồn: Danh sách cổ đông của FRIENDCO ngày 10/07/2017.

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần được tính dựa trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty là 3.937.790 cổ phần.

3.3. Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên. Theo danh sách cổ đông của Friendco tại ngày 10/07/2017, cổ đông sáng lập vẫn còn nắm giữ 3.441.320 cổ phần, chiếm 87,39% số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty.

Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 06/01/2005. Vì vậy, theo quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của FRIENDCO, những Công ty mà FRIENDCO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với FRIENDCO; công ty liên doanh, liên kết của FRIENDCO

4.1. Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với FRIENDCO

Tên Công ty:	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV
Trụ sở chính:	58-60 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM
Điện thoại:	(84-28) 38 255 999
Vốn điều lệ đăng ký:	2.608.462.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	2.608.462.000.000 đồng
Vốn góp tại FRIENDCO:	34.413.200.000 đồng (chiếm 87,26% VDL của FRIENDCO)
Giấy Chứng nhận ĐKDN:	Số 0300713668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07/03/2017.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

- Cơ khí – chế tạo máy;



- Hóa chất – cao su, nhựa;
- Điện tử - CNTT, bán dẫn;
- Chế biến tinh lương thực – thực phẩm.

4.2. Công ty con và những công ty mà FRIENDCO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

4.3. Công ty liên kết

Tên Công ty:	Công ty Liên doanh Vikotrade
Trụ sở chính:	257 Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại:	(84-28) 3553 1743
Vốn điều lệ thực góp:	1.417.349 USD

(Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh Vikotrade tại thời điểm Công ty ban hành quyết định giải thể ngày 31/07/2014)

Vốn góp của FRIENDCO
tại Công ty Liên doanh Vikotrade: Giá gốc: 9.808.971.017 đồng

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.
Tại ngày 31/12/2016, Công ty chưa đánh giá lại chính xác giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Vikotrade theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty Liên doanh Vikotrade đã ban hành quyết định giải thể ngày 31/07/2014 và đang trong giai đoạn cuối của giải thể. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng 3.733.273.763 đồng đối với khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Vikotrade.

Liên quan đến tiến độ giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade, đến nay, Ban giải thể Công ty đang hoàn tất các thủ tục cuối cùng để hoàn thành việc giải thể công ty.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Trải qua hơn 22 năm hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã phát triển ra nhiều lĩnh vực: Sản xuất, mua bán phụ tùng xe đạp, xe gắn máy; Mua bán hàng kim khí điện máy,

đồ điện và linh kiện, thiết bị âm thanh, vật dụng văn phòng, đồ dùng gia đình, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, giày dép, đồng hồ, túi xách, hàng da và giả da; Lắp ráp xe đạp, xe gắn máy và lắp đặt máy móc thiết bị; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp; Mua bán vật tư ngành viễn thông; Nhà hàng; Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kinh doanh nhà ở;...

Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty là hợp tác khai thác toà nhà, mặt bằng được giao. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác của Công ty, như sản xuất linh kiện và kinh doanh xe đạp hoàn chỉnh, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, đang tạm ngưng hoạt động do thiếu vốn. Cụ thể, Công ty đang hợp tác khai thác ở 2 mặt bằng với tổng diện tích 9.229,5 m², tọa lạc tại hai Quận trung tâm dân cư của Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- **Mặt bằng tại số 279 Nơ Trang Long - Quận Bình Thạnh – Tp.HCM:** Mặt bằng có tổng diện tích rộng 8.004,9 m². Trong đó:

- + Diện tích 4.802,9m² (theo Giấy chứng nhận QSDĐ) đang được Công ty làm văn phòng và kho Công ty (kho 1.000 m²), phần diện tích còn lại tận dụng hợp tác khai thác giữ xe ô tô.
- + Diện tích 3.202 m² đang xin gia hạn và tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư xây dựng dự án thương mại, dịch vụ.



- **Mặt bằng tại số 357 Lê Hồng Phong – Quận 10 – Tp.HCM:** Mặt bằng có diện tích rộng 1.224,6 m², trên đất có tòa nhà 7 tầng lầu và 1 tầng hầm với diện tích sàn xây dựng 4.735,46 m². Ngoài việc tạm đặt trụ sở chính của Công ty, mặt bằng này hiện đang được Công ty kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng, an ninh, an toàn để tìm kiếm đối tác mới hợp tác trong lĩnh vực đào tạo hoặc chuyển đổi công năng để cho thuê văn phòng.

Danh mục mặt bằng do Công ty quản lý:

STT	Địa chỉ mặt bằng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	279 Nơ Trang Long, Phường 13, Bình Thạnh, TP.HCM	4.802,9	Hợp đồng thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm (từ 06/01/2005).

STT	Địa chỉ mặt bằng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
	279 Nơ Trang Long, Phường 13, Bình Thạnh, TP.HCM	3.202,0	Công ty đang làm thủ tục gửi Sở Tài nguyên Môi trường để gia hạn thời gian thực hiện dự án
2	357 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, TP.HCM	1.224,6	Hợp đồng thuê đất 50 năm trả tiền hàng năm (từ 26/08/2005).

Ngoài các mặt bằng nêu trên, từ ngày 14/12/2016, Công ty đã chấm dứt việc khai thác tại mặt bằng 35 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để bàn giao lại cho UBND Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh theo Thông báo số 452/TB-UBND ngày 24/10/2014 của UBND Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ văn phòng khách sạn tại vị trí Thương xá Tax, phường Bến Nghé, Quận 1. Công ty đã được đền bù giải toả theo qui định của nhà nước.

Mặt bằng tại 11 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Tp.HCM đã được giao lại cho CTCP Bất động sản Song Mai vào ngày 28/08/2014 theo Công văn số 3768/UBND-PCNC ngày 05/08/2014 của Ủy Ban nhân dân Tp.HCM về Dự án Trung tâm thương mại – cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4 (trong công văn có nội dung nêu rõ UBND Tp.HCM chấp thuận cho CTCP Bất động sản Song Mai thực hiện dự án Trung tâm thương mại – cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4) và Quyết định 1715/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND Tp. HCM về chấp thuận cho CTCP Bất động sản Song Mai sử dụng đất để đầu tư dự án thương mại – cao ốc văn phòng tại số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4. Công ty đã được đền bù giải toả và giải quyết chế độ cho người lao động theo qui định của nhà nước.

5.2. Các lĩnh vực hoạt động của Công ty

5.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của các lĩnh vực hoạt động

❖ Cơ cấu doanh thu thuần các lĩnh vực hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu thuần	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Bán hàng hóa	23.900	0,37%	-	0%	-	0%
Cung cấp dịch vụ	6.481.040	99,63%	6.950.264	100%	2.652.880	100%
Tổng cộng	6.504.940	100%	6.950.264	100%	2.652.880	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp các lĩnh vực hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Bán hàng hóa	(13.013)	(0,20%)	-	0%	-	0%
Cung cấp dịch vụ	6.481.040	99,63%	6.950.264	100%	2.652.880	100%
Tổng cộng	6.468.027	99,43%	6.950.264	100%	2.652.880	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất – thương mại nói chung và Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị nói riêng đều chịu những tác động tiêu cực từ tình hình chung này. Với sự điều hành từ Ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ nhân viên, Công ty không ngừng cố gắng để hoàn thành kế hoạch hoạt động được giao.

Năm 2015, doanh thu thuần của Công ty đạt 6,5 tỷ đồng, trong đó doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ, cụ thể là 6,48 tỷ đồng, chiếm 99,63% tổng doanh thu. Doanh thu dịch vụ là doanh thu đến từ hoạt động hợp tác kinh doanh các mặt bằng với các đối tác để sử dụng làm trường học, văn phòng, nhà kho và cung cấp dịch vụ giữ xe, căn tin. Doanh thu đến từ hoạt động bán hàng của Công ty chỉ chiếm phần nhỏ, chưa tới 1% tổng doanh thu của Công ty, do doanh thu bán hàng là doanh thu đến từ hoạt động thanh lý những thành phẩm và hàng hóa tồn kho đã lỗi thời từ những năm trước của Công ty.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến hết 6 tháng năm 2017, nguồn thu của Công ty hoàn toàn tới từ hoạt động cho thuê mặt bằng. Toàn bộ tiền thuê đất được công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, do đó, không phát sinh chi phí giá vốn dịch vụ cho thuê mặt bằng. Trong giai đoạn này, lợi nhuận gộp của Công ty bằng với doanh thu thuần của Công ty.

5.2.2. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty các năm gần đây như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chi phí	Năm 2015		Năm 2016		6T/2017	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	36.913	0,57%	-	0%	-	0%
Chi phí bán hàng	746.928	11,48%	705.910	10,16%	264.883	9,98%
Chi phí QLDN	12.029.488	184,93%	11.481.576	165,20%	8.993.069	338,99%
Chi phí tài chính	3.733.274	57,39%	-	0%	-	0%
Tổng cộng	16.546.603	254,37%	12.187.486	175,36%	9.257.952	348,97%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO



Xuất phát từ thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn từ năm 2015 đến cuối quý II năm 2017, Công ty chủ yếu hợp tác kinh doanh các mặt bằng với các đối tác để sử dụng làm trường học, văn phòng, nhà kho. Do đó, giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng chiếm tỷ lệ thấp và được duy trì ổn định trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty trong giai đoạn này. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng đáng kể trong năm 2015, 2016 và 6 tháng 2017, với tỷ lệ trên doanh thu thuần lần lượt là 184,93%, 165,20% và 338,99%. Điều này là do chi phí thuê đất hàng năm cao và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty.

Trong năm 2015, chi phí tài chính của Công ty đạt giá trị là 3,7 tỷ đồng, chiếm 57,39% doanh thu thuần, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty liên doanh Vikotrade là 3.733.273.763 đồng. Sang năm 2016 và 6 tháng năm 2017, hoạt động của Công ty không phát sinh chi phí tài chính.

5.3. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty sử dụng Logo đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa do Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học – Công nghệ cấp. Biểu tượng (logo) đồng thời là nhãn hiệu thương mại của Công ty.



5.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên đối tác	Dịch vụ cung cấp	Thời gian thực hiện HĐ và các PL	Giá trị HĐ (ngàn đồng)
1	DNTN Lương Thị Kim Hà	Hợp tác khai tác mặt bằng	01/10/2016-31/12/2016	281.250
2	Trung tâm Tin học - Đại Học Khoa Học Tự Nhiên		15/02/2012-15/02/2017	1.226.952
3	Ông Lâm Tấn Trung	Hợp tác bãi xe	01/10/2016-31/12/2016	1.097.181
4	Ông Lâm Tấn Trung	Hợp tác dịch vụ lưu kho	01/09/2016-31/12/2016	197.400

Nguồn: FRIENDCO

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2015 đến 6 tháng năm 2017

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% +/-	6T/2017
1	Tổng giá trị tài sản	64.933.969	54.407.888	(16,21%)	50.751.315
2	Vốn chủ sở hữu	41.132.196	40.754.680	(0,92%)	34.264.180
3	Doanh thu thuần	6.504.940	6.950.265	6,85%	2.652.880
4	Lợi nhuận từ HĐKD	(8.999.923)	(4.140.533)	(53,99%)	(6.199.378)
5	Lợi nhuận khác	9.762.126	4.247.869	(56,49%)	(291.122)
6	Lợi nhuận trước thuế	762.203	107.337	(85,92%)	(6.490.500)
7	Lợi nhuận sau thuế	400.503	6.970	(98,26%)	(6.490.500)
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	117.697 (*)	10.350		8.701

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO (*) Tại ngày 31/12/2015, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 349.475 cổ phiếu (Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu)

Ý kiến của đơn vị kiểm toán (Công ty TNHH Kiểm toán Thuế Tư vấn Sài Gòn) đối với BCTC năm 2016 của Công ty theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 17233/BCKT-SGA-ngày 29.09.2017.

Theo đơn vị kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu dưới đây, Báo cáo tài chính năm 2016 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính:

- Tại ngày 31/12/2016, Công ty đang ghi nhận khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn của khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Vikotrade là 3.733.273.763 đồng. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 thì giá trị khoản vốn đầu tư ước tính tại ngày 31/12/2016 là 4.279.704.274 đồng. Hiện tại, Công ty Liên doanh Vikotrade đã ban hành quyết định giải thể ngày 31/07/2014. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2016, Công ty còn treo ở khoản phải thu khác của Công ty Liên doanh Vikotrade với số tiền 204.843.252 đồng.
- Dự án Trung tâm thương mại số 279 Nơ Trang Long giữa Công ty và CTCP Hoàng Anh

Mê Kông đang tạm dừng và các số dư tại ngày 31/12/2016 liên quan đến các khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 3.447.180.436 đồng; Khoản mục “Phải thu khác” (tiền thuê đất) là 5.953.770.248 đồng, khoản mục “Phải thu khác” (trả chi phí thiết kế chưa nhận hóa đơn) là 1.800.000.000 đồng; Khoản mục “Phải trả khác” (Công ty CP Hoàng Anh Mê Kông ứng tiền cho Công ty) là 5.250.593.436 đồng.

- Tại ngày 31/12/2016, Công ty đang trình bày ở khoản mục chi phí trả trước dài hạn tiền trợ cấp thôi việc, mất việc, ngừng việc của người lao động còn phân bổ vào chi phí với số tiền là 2.161.394.480 đồng (theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010).
- Bằng các thủ tục kiểm toán theo quy định, đơn vị kiểm toán không thể đánh giá được giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2016 của các số liệu nêu trên.

Giai đoạn 2015 – 2016, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Các mặt bằng đất của Công ty bị truy thu tiền thuê đất từ năm 2005 đến nay và các hoạt động kinh doanh của Công ty bị thu hẹp dẫn tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty thời kỳ này không cao. Năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được như sau: doanh thu thuần đạt 6,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt gần 401 triệu đồng.

Sang năm 2016, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chịu nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh chưa có những cải thiện đáng kể so với năm 2015. Doanh thu thuần năm 2016 đạt 6,9 tỷ đồng, tăng 6,85% so với năm 2015; tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 6,9 triệu đồng, giảm 98,26% so với năm 2015. Nguyên nhân là do trong năm 2015, Công ty nhận được khoản hỗ trợ 15.090.909.091 đồng từ CTCP Bất động sản Song Mai (được hạch toán vào Thu nhập khác), là chi phí hỗ trợ di dời mặt bằng 11 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, Tp.HCM của Công ty, theo Công văn số 7015/UBND-ĐTMT ngày 27/12/2013 của UBND Tp. HCM về việc phê duyệt danh sách đợt 1 các cơ sở nhà, đất ô nhiễm môi trường; Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014 ngày 15/08/2014 giữa CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị và CTCP Bất động sản R.E.E về việc thành lập CTCP Bất động sản Song Mai và cụ thể hóa trách nhiệm và quyền lợi giữa các bên; và Công văn số 1715/QĐ-UBND ngày 14/04/2015 của UBND Tp. HCM về việc chấp thuận cho CTCP Bất động sản Song Mai sử dụng đất để đầu tư dự án thương mại – cao ốc văn phòng tại số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Tp. HCM. Trong giai đoạn năm 2015 -2016 cũng là thời gian Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên (cổ đông lớn, đồng thời là cổ đông sáng lập) tập trung cho việc thực hiện các công tác thoái vốn ra khỏi doanh nghiệp theo chủ trương của Chính phủ và UBND TP.HCM.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

⚡ Thuận lợi:

- Tập thể cán bộ công nhân viên lao động Công ty đoàn kết thống nhất cùng nhau góp sức xây dựng đơn vị. Đội ngũ cán bộ quản lý năng động và nhiệt tình.
- Tại mặt bằng số 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM: Đối với phần diện

tích 3.202 m², Công ty đang làm thủ tục gửi Sở Tài nguyên Môi trường để gia hạn dự án thương mại, dịch vụ. Trong thời gian xây dựng phương án đầu tư phù hợp, Công ty đã tận dụng hợp tác khai thác dịch vụ giữ xe ô tô để mang lại nguồn thu cho Công ty. Đối với phần diện tích 4.802,9 m², Công ty đã hoàn thành việc ký hợp đồng thuê đất, và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 50 năm.

✦ **Khó khăn:**

- Hiện nay, Công ty đang thực hiện rà soát các loại máy móc, thiết bị lạc hậu về công nghệ và vật tư hàng hóa không cần dùng trong sản xuất, tiến hành đánh giá, xác định giá trị tài sản và thực hiện các thủ tục bán đấu giá theo quy định của Nhà nước. Công ty đã xin chủ trương để thanh lý máy móc, thiết bị và vật tư không cần dùng nhưng do giá phế liệu giảm nên chưa tiến hành được việc thanh lý.
- Ngành sản xuất linh kiện và xe đạp của Công ty đã không còn hoạt động do không đủ vốn và mặt bằng xây dựng nhà xưởng sản xuất.
- Công ty đã đầu tư vào CTCP Bất động sản Sài Gòn Đông Dương với số tiền 1 tỷ đồng từ năm 2009. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của CTCP Bất động sản Sài Gòn Đông Dương chưa đạt được kết quả khả quan. Do đó, đến nay, Công ty vẫn chưa được chia lợi nhuận từ hoạt động đầu tư này. Công ty dự kiến sẽ thoái vốn để thu hồi vốn đã đầu tư.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Đối với ngành sản xuất kinh doanh linh kiện và xe đạp hoàn chỉnh, công ty đã ngừng sản xuất kinh doanh từ năm 2012, đến nay chưa đủ vốn và nhà xưởng để đầu tư sản xuất trở lại.
- Đối với khu đất tại 279 Nơ Trang Long có diện tích 4.802,9 m² đã được UBNDTP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 50 năm với mục đích sử dụng làm văn phòng;
- Đối với Dự án tại 279 Nơ Trang Long có diện tích đất 3.202 m² Công ty đang xin gia hạn và tìm đối tác để tiếp tục thực hiện Dự án thương mại và dịch vụ.
- Đối với tòa nhà trên khu đất tại số 357 Lê Hồng Phong, Quận 10, Tp.HCM, ngoài việc tạm đặt trụ sở chính của Công ty tại mặt bằng này, Công ty còn tận dụng phần diện tích còn lại để tìm kiếm đối tác mới hợp tác trong lĩnh vực trường học, góp phần đảm bảo nguồn thu ổn định trong tương lai.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ **Triển vọng ngành sản xuất, kinh doanh linh kiện và xe đạp hoàn chỉnh:**

- Người Việt ngày càng nhận thức rõ giá trị của sức khỏe và đầu tư nhiều hơn vào việc tập thể dục. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng loại phương tiện gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí và thân thiện môi trường dần hình thành nên ngành kinh doanh xe đạp đầy triển vọng. Theo nhận định của thị trường, lượng tiêu thụ xe đạp ngày một tăng lên. Người tiêu dùng chấp nhận bỏ ra số tiền cao hơn cho một chiếc xe đạp tốt, đặc biệt là giới trẻ. Ngành sản xuất và kinh doanh xe đạp

được đánh giá là ngành có xu hướng tăng trưởng trong thời gian tới. (Rồng Việt tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn: www.kinhdoanh.vnexpress.net; www.nhipcaudautu.vn)

- Mặc dù, hiện nay, ngành sản xuất, kinh doanh linh kiện và xe đạp hoàn chỉnh tại Công ty đang tạm ngừng hoạt động do chưa đủ vốn và mặt bằng xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên, với triển vọng phát triển của ngành kinh doanh xe đạp, Hội đồng quản trị Công ty định hướng sẽ khôi phục lại ngành sản xuất kinh doanh này trong tương lai khi Công ty có đủ vốn và mặt bằng, cụ thể sản xuất sản phẩm xe đạp dân dụng phục vụ cho dân cư, học sinh.

❖ **Triển vọng lĩnh vực kinh doanh mặt bằng văn phòng và nhà ở:**

- Trong nhiều năm qua, tốc độ đô thị hóa của Việt Nam luôn thuộc nhóm cao nhất Châu Á. Hiện nay, dân số đô thị của Việt Nam đạt khoảng 35,7% và ước tính đến năm 2020 chiếm khoảng 40%. Diện tích đô thị hiện nay cũng đã tăng 40% so với cách đây 10 năm. Dự báo, đến năm 2020, tổng diện tích đô thị cả nước sẽ lên đến 460.000 ha, tăng gấp 3 lần so với diện tích đất đô thị hiện nay. Tốc độ đô thị hóa tăng chóng mặt sẽ làm tăng nhu cầu về nhà ở, trường học, mặt bằng văn phòng, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh bất động sản. Được dự báo bởi các đơn vị tư vấn bất động sản, nhu cầu thuê văn phòng sẽ tăng vọt trong thời gian sắp tới. Dự báo đưa ra bắt nguồn từ hai yếu tố: Thứ nhất, GDP của Việt Nam dự kiến tăng trưởng tốt trong 3 năm tới và nhiều ngành công nghiệp sẽ phát triển mạnh tác động làm gia tăng nhu cầu thuê văn phòng. Thứ hai, nhờ tác động tích cực từ các hiệp định thương mại quốc tế, các ngành kinh doanh dự kiến sẽ được mở rộng, đặc biệt là sản xuất, phân phối, và hậu cần, từ đó, nhu cầu thuê văn phòng từ các công ty nước ngoài cũng gia tăng. Bên cạnh đó, trong bối cảnh nguồn cung hạn chế, giá thuê văn phòng được dự báo sẽ tăng trong thời gian tới. (Rồng Việt tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn: www.nguoiitieu dung.com.vn; www.kinhdoanh.vnexpress.net; www.thoibaotaichinhvietnam.vn)

Với triển vọng phát triển của lĩnh vực kinh doanh mặt bằng văn phòng và nhà ở, Hội đồng quản trị Công ty đã có định hướng phát triển cụ thể tương ứng với những nguồn lực mà Công ty hiện có đối với dự án được giao. Theo đó, đối với mặt bằng tại 279 Nơ Trang Long, phần diện tích 3.202 m², Công ty đang tìm đơn vị có tiềm năng để tiếp tục hoàn chỉnh các thủ tục để có khả năng thực hiện dự án góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Đối với mặt bằng tại 357 Lê Hồng Phong: Công ty có thể hợp tác để làm trường học hoặc chuyển đổi công năng để cho thuê làm văn phòng hoặc cho thuê làm các dịch vụ khác.
- Đối với mặt bằng tại 279 Nơ Trang Long: phần diện tích 4.802,9 m² với mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc (theo Quyết định giao đất số 1017/QĐ-UBND ngày 10/03/2015), trong tương lai có thể kết hợp với phần diện tích 3.202 m² đã có dự án để khai thác nâng cao hiệu quả hoạt động bằng bãi giữ xe cho tòa nhà, khu vui chơi cho tòa nhà.



8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 24/05/2017

Yếu tố	Số lượng (người)	Cơ cấu
Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	34	100%
Phân theo trình độ chuyên môn		
+ Đại học:	9	26%
+ Trung cấp:	2	6%
+ Phổ thông trung học:	11	32%
+ Trung học cơ sở:	12	35%

Nguồn: FRIENDCO

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

✦ Chính sách nhân sự chung:

Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe toàn diện,... đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và các chế độ khác theo quy định.

✦ Chính sách lương thưởng:

Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm và thực hiện xét nâng bậc lương theo niên hạn. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ khen thưởng, phúc lợi, tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát trong năm, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động qua các năm:.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng đầu năm 2017
Thu nhập bình quân hàng tháng (đồng/người/tháng)	5.134.575	5.288.933	5.421.937

✦ Chính sách đào tạo phát triển:

Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc nhằm mục đích:

- Khuyến khích, động viên nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân viên.
- Đào tạo nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công việc, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.



9. Chính sách cổ tức

Chính sách trả cổ tức hàng năm của Công ty như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu vốn góp.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Hình thức
2015	0,98%	Bằng tiền (Đã thanh toán)
2016	0%	

Nguồn: FRIENDCO

ĐHĐCĐ thường niên 2017 của Công ty đã thông qua việc không thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 do lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích lập các quỹ còn lại quá ít nên Công ty thực hiện trích phần còn lại vào Quỹ đầu tư phát triển.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng và theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà xưởng vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	12-15 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị văn phòng	05-10 năm
TSCĐ vô hình (Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002)	08 năm

10.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

10.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2015, 31/12/2016 và ngày 30/06/2017 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
1	Thuế giá trị gia tăng	45.206	33.980	16.056
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	381.047	124.038	0
3	Tiền thuê đất (*)	9.291.533	6.225.016	9.177.634
4	Thuế khác (**)	7.832.222	2.815.208	2.863.134
	TỔNG CỘNG	17.550.008	9.198.242	12.056.824

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

(*): Tiền thuê đất: Tại thời điểm cuối năm 2015, số dư khoản mục tiền thuê đất của Công ty là 9.291.533.162 đồng. Trong đó bao gồm: (1) Tiền thuê đất năm 2015 của 04 mặt bằng do công ty quản lý, bao gồm: mặt bằng 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM, mặt bằng 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM, mặt bằng 35 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM và mặt bằng 11 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Tp.HCM; (2) Truy thu tiền thuê đất của các mặt bằng này từ năm 2005 đến 2015 do việc tăng giá tiền thuê đất. Vào cuối năm 2015 Công ty mới nhận được thông báo về việc tăng giá tiền thuê đất và truy thu tiền thuê đất của 04 mặt bằng. Công ty đã thực hiện ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2015.

Sang năm 2016, số dư khoản mục này là 6.225.015.660 đồng, là tiền thuê đất năm 2016 của 02 mặt bằng, bao gồm mặt bằng 35 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM và mặt bằng 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

(**): Thuế khác: Tại thời điểm cuối năm 2015, số dư khoản mục Thuế khác của Công ty là 7.832.221.625 đồng. Trong đó bao gồm: (1) Tiền phạt của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh đối với tiền nợ thuế của Công ty phát sinh trong giai đoạn còn là Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh) là 5.017.013.331 đồng, bao gồm: thuế Giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, và các loại thuế khác. Tuy nhiên, đến năm 2014, Công ty mới nhận được thông báo phạt của Cục thuế và Công ty đã gửi công văn khiếu nại, xin được nộp dần; (2) Tiền phạt của Cục thuế Bình Thạnh tính trên tiền thuê đất từ năm 2005-2010 của mặt bằng 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM 2.815.208.294 đồng. Nguyên nhân là do khoản chi phí này được tính vào Dự án Trung tâm thương mại tại 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM do Công ty và CTCP Hoàng Anh Mê

Kông làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, do tình hình thị trường bất động sản không thuận lợi, CTCP Hoàng Anh Mê Kông chưa đủ khả năng triển khai thực hiện dự án. Theo đó, hai bên đã thống nhất Hoàng Anh Mê Kông thôi không làm đối tác triển khai dự án và Hoàng Anh Mê Kông đã bàn giao lại mặt bằng dự án cho Công ty và đang tiến hành thanh lý hợp đồng hợp tác.

Sang năm 2016, số dư khoản mục này còn lại là 2.815.208.294 đồng, là Tiền phạt của Cục thuế Bình Thạnh đối với mặt bằng 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

10.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo luật định và theo Điều lệ của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại các ngày 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.352.063	1.368.081	1.368.081
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(997.555)	(1.000.505)	(1.029.925)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

Khoản mục quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty âm là do các khoản chi trước cho người lao động từ nhiều năm trước. Cụ thể, khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi tồn đọng tại thời điểm 31/12/2004 là (1.198.595.828) đồng là từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh chuyển sang Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp. Các khoản chi trích trước này bao gồm chủ yếu là các khoản chi trợ cấp khó khăn, các khoản lương thưởng cuối năm và khoản chi tham quan nghỉ mát cho CBCNV. Trong thời gian hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, sau nhiều năm hoạt động Công ty vừa phải chăm lo đời sống cho CBCNV vừa phải bù đắp khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi từ trước cổ phần hóa nên số tiền âm quỹ đến cuối năm 2015 còn lại là: (997.555.213) đồng. Năm 2016, Công ty thực hiện chi thêm trợ cấp khó khăn cho CBCNV của Công ty là 2.949.995 đồng, do đó tính đến thời điểm 31/12/2016, quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty là (1.000.505.208) đồng.

10.1.5. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017, Công ty không có nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn.

10.1.6. Tình hình công nợ hiện nay**- Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	9.985.805	7.121.826	9.066.665
1	Phải thu khách hàng	1.827.448	101.115	2.078.728
2	Trả trước cho người bán	26.663	38.781	38.781
3	Các khoản phải thu khác	9.433.507	8.062.145	8.029.371
4	Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(1.301.813)	(1.301.813)	(1.301.813)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	221.598	221.598
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	1.784.032	1.784.032
1	Phải thu khách hàng	-	1.784.032	1.784.032
	TỔNG CỘNG	9.985.805	8.905.858	10.850.697

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

(*) Các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

Tên Công ty	31/12/2015		31/12/2016		6T/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Viễn Thông in Bưu điện	284.811	-	284.811	-	284.811	-
Công ty TNHH Bất Động Sản Nam Hải	976.506	-	976.506	-	976.506	-
Công ty TNHH Sacred Earth VN	40.496	-	40.496	-	40.496	-



Tên Công ty	31/12/2015		31/12/2016		6T/2017	
Công ty TNHH Sản xuất Xe đạp ANPHA	482.219	482.219	482.219	482.219	482.219	482.219
Tổng	1.784.032	482.219	1.784.032	482.219	1.784.032	482.219
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.301.813)		(1.301.813)		(1.301.813)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I	Nợ ngắn hạn	23.801.773	13.653.208	16.487.135
1	Người mua trả tiền trước	22.502	-	-
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	17.550.008	9.198.243	12.056.824
3	Phải trả người lao động	143.200	-	-
4	Phải trả ngắn hạn khác	7.083.618	5.455.470	5.460.236
5	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(997.555)	(1.000.505)	(1.029.925)
II	Nợ dài hạn	-	-	-
	TỔNG CỘNG	23.801.773	13.653.208	16.487.135

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

10.1.7. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	7.075.697	7.075.697	7.075.697
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	9.808.971	9.808.971	9.808.971
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.000.000	1.000.000	1.000.000
3	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(3.733.274)	(3.733.274)	(3.733.274)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

(*) Khoản dự phòng 3.733.273.763 đồng là khoản dự phòng đầu tư vào Công ty Liên doanh Vikotrade. Cụ thể:

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Đầu tư vào Công ty Liên doanh Vikotrade			
+ Giá gốc	9.808.971	9.808.971	9.808.971
+ Giá trị hợp lý	6.075.697	6.075.697	6.075.697
+ Dự phòng	(3.733.274)	(3.733.274)	(3.733.274)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2017 của FRIENDCO

Hiện tại, Công ty Liên doanh Vikotrade đã ban hành quyết định giải thể ngày 31/07/2014.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,63	2,14
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,58	2,07
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	36,66	25,09
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	57,87	33,50
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	0,03	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,08	0,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	6,16	0,10
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,98	0,02
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,51	0,01
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	(138,36)	(59,57)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 của FRIENDCO

11. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	22.325.808	10.608.649	47,52%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	18.845.196	10.497.809	55,71%
2	Máy móc thiết bị	2.644.558	21.421	0,81%
3	Phương tiện vận tải	836.054	89.419	10,70%
II	TSCĐ vô hình	225.211	-	0,00%
1	TSCĐ vô hình khác	225.211	-	0,00%
@	Tổng cộng	22.551.019	10.608.649	47,04%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của FRIENDCO

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.447.180	3.447.180	3.447.180
- Chi phí Dự án 279 Nơ Trang Long	3.447.180	3.447.180	3.447.180

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của FRIENDCO

Tại mặt bằng 279 Nơ Trang Long, CTCP Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị cùng với CTCP Hoàng Anh Mê Kông hợp tác đầu tư Dự án khu căn hộ. Tuy nhiên, do tình hình thị trường bất động sản không thuận lợi, CTCP Hoàng Anh Mê Kông chưa đủ khả năng triển khai thực hiện dự án. Theo đó hai bên đã thống nhất Hoàng Anh Mê Kông thôi không làm đối tác triển khai dự án và Hoàng Anh Mê Kông đã bàn giao lại mặt bằng dự án cho Công ty và đang tiến hành thanh lý hợp đồng hợp tác. Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã ghi nhận “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” cho Dự án này là 3.447.180.436 đồng, là chi phí thẩm định Dự án. Hiện tại, Công ty đang tìm kiếm đối tác mới để tiếp tục triển khai thực hiện Dự án.

12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2017

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của FRIENDCO đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2017 và năm 2018 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		Năm 2018	
		Kế hoạch	% (+/-) so với thực hiện năm 2016	Kế hoạch	% (+/-) so với kế hoạch năm 2017
Vốn điều lệ	39.437.100	39.437.100	0%	39.437.100	0%
Tổng doanh thu	13.109.499	14.434.162	10,10%	8.000.000	44,58%
- Doanh thu và thu nhập khác	8.329.911	7.651.494	(8,14)%	/	/
- Thu nhập từ dự án di dời	4.779.588	6.782.669	41,91%	/	/
Lợi nhuận sau thuế	6.970	180.143	2.484,55%	200.000	11,02%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	0,05%	1,25%		2,50%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,02%	0,46%		0,51%	
Tỷ lệ cổ tức/năm	0%	0%	-	-	-

Nguồn: Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Friendco.

Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty là do Hội đồng quản trị CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị thông qua. Kế hoạch này có thể sẽ thay đổi tùy theo tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty và kế hoạch hoạt động trình ĐHĐCĐ năm 2018.

12.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Nhằm thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh trong năm 2017 và năm 2018, Công ty đề ra các giải pháp về hoạt động kinh doanh, điều hành, quản trị và nhân sự như sau:

✦ Về thực hiện những công tác trọng tâm:

- Xin chủ trương để tiến hành thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa không còn sử dụng được trong sản xuất hiện còn đang lưu tại kho 279 Nơ Trang Long.
- Về Hợp tác khai thác sử dụng toà nhà, mặt bằng:
 - + Đối với mặt bằng tại 357 Lê Hồng Phong, Quận 10, Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác để hợp tác làm trường học, hoặc chuyển đổi công năng để cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.
 - + Đối với mặt bằng tại 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Công ty tiếp tục khẩn trương tìm kiếm đối tác để hoàn tất các thủ tục và triển khai dự án phần diện tích 3.202 m². Đồng thời có phương án khai thác đối với phần diện tích 4.802,9 m² đã được UBND Thành phố giao.

✚ Về công tác quản lý và điều hành đơn vị:

- Tập trung nâng cao năng lực quản lý điều hành Công ty với mục tiêu hoàn thành Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và các Nghị Quyết của HĐQT Công ty.

✚ Về các chính sách đối với người lao động:

- Đào tạo, bồi dưỡng và huấn luyện tất cả nhân viên có đầy đủ kiến thức và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;
- Cố gắng duy trì, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ chính sách khác cho người lao động.

12.3. Tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 2017

Hoạt động của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chi phí tiền thuê đất cao trong khi các hoạt động sản xuất của Công ty vẫn đang tạm dừng. Đối với các mặt bằng, công ty vẫn chưa tìm được đối tác đầu tư thích hợp để thực hiện dự án tại những mặt bằng do công ty quản lý. Sau 6 tháng hoạt động, tổng doanh thu của Công ty đạt 3,1 tỷ đồng, trong đó doanh thu thuần đạt được khoảng 2,7 tỷ đồng, toàn bộ nguồn doanh thu thuần tới từ hoạt động dịch vụ cho thuê văn phòng. Tuy nhiên, do chi phí thuê đất cao (gần 5 tỷ đồng) nên Công ty ghi nhận mức lỗ đến 30 tháng 06 năm 2017 là gần 6,5 tỷ đồng.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động của Công ty như sau:

- Theo dõi và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, đề ra các chủ trương, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của đơn vị. Sắp xếp, tổ chức bộ máy hoạt động của công ty phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời điểm. Hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người lao động.
- Đôn đốc chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, hợp tác khai thác sử dụng, hợp tác có hiệu quả đối với toà nhà và mặt bằng được nhà nước giao phù hợp với mục đích sử dụng đất và quy hoạch của thành phố. Tích cực tìm đối tác thực hiện các dự án, trọng tâm là dự án tại 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh và tại 357



Lê Hồng Phong, Quận 10. Tiếp tục giải quyết các dự án, hoạt động trọng tâm năm 2016 còn tồn đọng.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được. Tranh thủ sự hỗ trợ từ Tổng Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đồng hành cùng Ban TGD nỗ lực vượt qua khó khăn, đưa Công ty đi vào hoạt động ổn định, phát triển để đáp ứng mong muốn của ĐHĐCĐ cũng như nguyện vọng của người lao động tại đơn vị.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.



III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Điều hành
1	Ông Lê Tấn Dương	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Võ Hồng Phong	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Điều hành
3	Ông Đỗ Trọng Toàn	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Ông Vũ Cương Quyết	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	Điều hành

1.1. Ông Lê Tấn Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Lê Tấn Dương**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày tháng năm sinh: **10/06/1971**
 Nơi sinh: **Thanh Hóa**
 CMND: **270904234 cấp ngày 30/05/2005 tại Công an Đồng Nai**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Dân tộc: **Kinh**
 Quê quán: **Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi**
 Địa chỉ thường trú: **49/325, Bạch Đằng, phường 15, Bình Thạnh, Tp.HCM**
 Số điện thoại liên lạc: **0918118931**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
 Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 01/2001 - 04/2010	Công ty cao su Thống Nhất – Đại diện lãnh đạo kiêm Trưởng phòng QA.
+ 05/2010 - 08/2014	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV - Giám đốc Hệ thống quản lý chất lượng.
+ 08/2014 - 10/2016	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Chủ tịch HĐQT; Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV - Giám đốc Kế hoạch Kinh doanh
+ 10/2016 - nay	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Chủ tịch HĐQT; Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV - Phó Tổng Giám đốc.

Chức vụ công tác tại FRIENDCO: **Chủ tịch HĐQT**
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: **Phó TGD Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV**
 Số CP nắm giữ: **1.774.670 cổ phiếu, chiếm 45,07% SLCP đang lưu hành**



- + Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV: 1.774.670 cổ phiếu, chiếm 45,07% SLCP đang lưu hành
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (Mối quan hệ: Phó TGD, Đại diện sở hữu vốn): Sở hữu 3.441.320 cổ phiếu, chiếm 87,39% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.2. Ông Võ Hồng Phong – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Võ Hồng Phong
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/02/1964
- Nơi sinh: Tp. HCM
- CMND: 021386740 cấp ngày 08/10/2011 tại Công an Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang
- Địa chỉ thường trú: 351/30bis Lê Đại Hành, phường 11, quận 11, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0903667035
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 2003 - 2010	Nhà máy thuốc lá Khánh Hội - Phó Giám đốc
+ 2010 - 2015	Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn - Chủ tịch HĐQT
+ 07/2015 - nay	Công ty cổ phần Thương mại Bến Thành – Chủ tịch HĐQT
+ 07/2016 - nay	Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác tại FRIENDCO: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại Bến Thành
- Số CP nắm giữ: 877.910 cổ phiếu, chiếm 22,29% SLCP đang lưu hành

- + Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV: 877.910 cổ phiếu, chiếm 22,29% SLCP đang lưu hành
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu vốn): Sở hữu 3.441.320 cổ phiếu, chiếm 87,39% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.3. Ông Đỗ Trọng Toàn – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Đỗ Trọng Toàn**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/12/1977
- Nơi sinh: Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định
- Số căn cước công dân: 052077000133 cấp ngày 05/12/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 202 lô C, Chung cư 78 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0919.499.787
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Kế toán kiểm toán)
- Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ Trước năm 2009	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV – Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán
+ Năm 2009	CTCP Nhựa Sài Gòn – Kế toán trưởng, kiêm thành viên HĐQT
+ 09/2009 - 06/2012	CTCP SAHABAK – Kế toán trưởng, kiêm thành viên HĐQT
+ 06/2012 - 10/2012	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV – Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán
+ 11/2012 - 06/2014	CTCP Chỉ sợi cao su V.R.G SA DO – Kế toán trưởng
+ 07/2014 - 04/2016	CTCP Chỉ sợi cao su V.R.G SA DO - Kế toán trưởng



+ 01/5/2016 – nay	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Thành viên HĐQT; Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV – Chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh
-------------------	---

Chức vụ công tác tại FRIENDCO:	Thành viên HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Chuyên viên P.Kế hoạch kinh doanh – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV.
Số CP nắm giữ:	394.370 cổ phiếu, chiếm 10,02% SLCP đang lưu hành
+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV:	394.370 cổ phiếu, chiếm 10,02% SLCP đang lưu hành
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu vốn): sở hữu 3.441.320 cổ phiếu, chiếm 87,39% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có

1.4. Ông Vũ Cương Quyết – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	Vũ Cương Quyết
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/09/1972
Nơi sinh:	Tp.HCM
Số căn cước công dân:	079072000293 cấp ngày 07/01/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Phòng
Địa chỉ thường trú:	1/5K, XTT 16, Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, Tp. HCM.
Số điện thoại liên lạc:	0918474545
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1997 - 2000	Công ty thủy sản III – Nhân viên thiết kế
+ 2000 - 2008	Công ty thuốc lá Bến Thành – công nhân



+ 2008 - 2010	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV – Chuyên viên phòng NCPT
+ 11/2010 - 03/2011	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Phó TGD
+ 04/2011 - nay	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại FRIENDCO: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ: 394.370 cổ phiếu, chiếm 10,02% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV: 394.370 cổ phiếu, chiếm 10,02% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (Mối quan hệ: Đại diện sở hữu vốn): sở hữu 3.441.320 cổ phiếu, chiếm 87,39% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Huỳnh Văn Quang Trung	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Thanh

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 23/02/1974

Nơi sinh: Tp.HCM

CMND: 023050483_Cấp ngày 22.01.2008 tại CA.Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Mỹ Tho, Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 525/3 Hòa Hảo, Phường 07, Quận 11, Tp.HCM

Số điện thoại liên lạc: 0935106591

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán



Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1999 - 7/2016	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Chuyên viên kế toán
+ 7/2016 - nay	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ công tác tại FRIENDCO: Trưởng Ban kiểm soát
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ: 5.630 cổ phiếu, chiếm 0,14% SLCP đang lưu hành
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 5.630 cổ phiếu, chiếm 0,14% SLCP đang lưu hành
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.2. Ông Huỳnh Văn Quang Trung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Huỳnh Văn Quang Trung**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 03/10/1987
 Nơi sinh: Tp.HCM
 CMND: 023962712 ngày cấp 21/07/2014 tại Công an Tp.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Hoa
 Quê quán: Tp.HCM
 Địa chỉ thường trú: 107/6 Nguyễn Chí Thanh, P.16, Quận 11, Tp.HCM
 Số điện thoại liên lạc: 0938688813
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 2009 - 2010	Công ty TNHH SAGAWA EXPRESS – Nhân viên
+ 2010 – nay	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV – Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán.
+ 06/2016 - nay	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Thành viên Ban kiểm soát;

Chức vụ công tác tại FRIENDCO: Thành viên Ban kiểm soát



Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV

Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (Mối quan hệ: Nhân viên): sở hữu 3.441.320 cổ phiếu, chiếm 87,39% số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.3. Bà Lương Thị Ánh Nguyệt – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Lương Thị Ánh Nguyệt**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/07/1983

Nơi sinh: Nhơn Tân – An Nhơn – Bình Định

CMND: 025829432 cấp ngày 11/12/2013, tại Công an TP. HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nhơn Tân – An Nhơn – Bình Định

Địa chỉ thường trú: 10/1A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Số điện thoại liên lạc: 0973953030

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 2004 – 03/2014	Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn – Nhân viên
+ 04/2014 – nay	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV – Nhân viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh
+ 07/2016 - nay	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Thành viên Ban kiểm soát;

Chức vụ công tác tại FRIENDCO: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV.

Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành



- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (Mối quan hệ: Nhân viên): sở hữu 3.441.320 cổ phiếu, chiếm 87,39% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Võ Hồng Phong	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Cương Quyết	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Trần Thị Thanh Chi	Kế toán trưởng

3.1 Ông Võ Hồng Phong – Tổng giám đốc:

Xem Mục 1.2, Hội đồng quản trị.

3.2 Ông Vũ Cương Quyết – Phó Tổng Giám đốc:

Xem Mục 1.4, Hội đồng quản trị.

3.3 Bà Trần Thị Thanh Chi – Kế toán trưởng:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Chi
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/11/1961
- Nơi sinh: Cà Mau
- CMND: 020432887 cấp ngày 08/07/2011 tại Công an Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: 19 Huỳnh Văn Bánh, phường 17, Phú Nhuận, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0918558842
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 1988 - 1993	Xí nghiệp may xuất khẩu, quận Phú Nhuận - Kế toán trưởng



+ 1994 - 2010	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV - Phó phòng kế toán
+ 11/2010 - nay	CTCP Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị - Kế toán trưởng

Chức vụ công tác tại FRIENDCO:	Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% SLCP đang lưu hành
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty đã ban hành các quy chế nhằm củng cố và tăng cường quản trị tại Công ty như Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị công ty. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức và ban hành các quy chế khác để tuân thủ quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

Đối với hoạt động công bố thông tin, Hội đồng quản trị ban hành Quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng thì trường hợp số thành viên HĐQT của công ty đại chúng có ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 04 thành viên, trong đó không có thành viên độc lập (tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT được quy định lại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2014). Nhằm tăng cường năng lực quản trị tại Công ty, Công ty cam kết cơ cấu lại các thành viên HĐQT nhằm tuân thủ theo quy định.

IV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC tự lập 6 tháng năm 2017 của Công ty.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18. tháng 10. năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC *ca*



VÕ HỒNG PHONG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC *ph*



NGUYỄN HIẾU

